

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/KDTM-ST

Ngày 22/8/2020

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Miến

Bà Vương Thúy Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Đạo – Cán bộ Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/7/2020 và ngày 22/8/2020, tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLST-KDTM ngày 17/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-KDTM ngày 26/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-KDTM ngày 15/7/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2020/QĐST-KDTM ngày 15/7/2020 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 400/2020/TB-TA ngày 06/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.

Trụ sở: Số II, phường C, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T - Phó Tổng Giám đốc Theo Văn bản ủy quyền số 437/UQ-MB-HS ngày 02/6/2015.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đinh Hồng H, Ông Lã Phương C - Cán bộ pháp chế Ngân hàng TMCP Q.

Theo Văn bản ủy quyền số 8126/UQ-MB-HS ngày 19/12/2018. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D.

Trụ sở: Số IV, phường V, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Hồng D, sinh năm 1961- Giám đốc.

Nơi ĐKNKTT: Số III, phường H, quận K, Hà Nội.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16- Bộ Công an.

Ông D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Thương mại và xây dựng N.

Trụ sở: Cụm tiêu thủ công nghiệp, làng nghề Đ, xã H, huyện T, Hà Nam.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh S, sinh năm 1963- Giám đốc.

Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú cuối cùng: Số IV, phường V, quận B, Hà Nội.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngày 21/3/2011 Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng MB) và Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D (sau đây gọi là Công ty D) đã ký 01 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 29.11.066.899998.TD. Theo đó, Ngân hàng MB đồng ý cấp cho Công ty D các khoản tín dụng với tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là 300.000.000.000 đồng (*Ba trăm tỷ đồng*) trong đó giá trị hạn mức bảo lãnh thanh toán tối đa là 200.000.000.000 đồng (*Hai trăm tỷ đồng*). Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng MB đã giải ngân cho Công ty D vay số tiền 246.000.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi sáu tỷ đồng*) thông qua 06 Khế ước nhận nợ. Thời hạn vay vốn là 03 tháng tính từ ngày giải ngân của từng khế ước. Cụ thể:

- Khế ước nhận nợ số LD 1121300323 ngày 01/8/2011: Số tiền giải ngân là 30.000.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng cố định: 21,5%/năm; Thời hạn vay: từ 01/8/2011 đến 01/11/2011.

- Khế ước nhận nợ số LD 1121500167 ngày 03/8/2011: Số tiền giải ngân là 30.000.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng cố định: 21,5%/năm; Thời hạn vay: từ 03/8/2011 đến 03/11/2011.

- Khế ước nhận nợ số LD 1123400261 ngày 22/8/2011: Số tiền giải ngân là 14.850.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng cố định: 21,5%/năm; Thời hạn vay: từ 22/8/2011 đến 22/11/2011;

- Khế ước nhận nợ số LD 1123500218 ngày 23/8/2011: Số tiền giải ngân là 14.150.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng cố định: 21,5%/năm; Thời hạn vay: từ 23/8/2011 đến 23/11/2011;

- Khế ước nhận nợ số LD 1124900114 ngày 06/9/2011: Số tiền giải ngân là 107.000.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng cố định: 21,0%/năm; Thời hạn vay: từ 06/9/2011 đến 06/12/2011;

- Khế ước nhận nợ số LD 1127600411 ngày 03/10/2011: Số tiền giải ngân là 50.000.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng cố định: 18.3%/năm; Thời hạn vay: từ 03/10/2011 đến 03/01/2012.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên của Công ty D gồm:

- Quyền đòi nợ đối với Công ty TNHH thương mại và xây dựng N theo Hợp đồng thế chấp số 18.11.066.899998.ĐB ngày 21/03/2011; Văn bản sửa đổi hợp đồng số 90.11.066.899998 ngày 14/11/2011. Hợp đồng thế chấp được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội ngày 29/03/2011. Giá trị 607.550.000.000 đồng

- Quyền đòi nợ đối với Công ty TNHH thương mại và xây dựng N theo Hợp đồng thế chấp số 78.11.066.899998.ĐB ngày 30/9/2011, được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội ngày 04/10/2011. Giá trị: 65.620.480.302 đồng.

Ngoài ra, khoản vay còn được bảo đảm bằng tài sản là bất động sản khác nhưng đã được hai bên thỏa thuận xử lý trong quá trình Ngân hàng MB thu hồi nợ đối với

Công ty D, Ngân hàng MB đã giải chấp đối với các bất động sản và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do Công ty D vi phạm thời hạn trả nợ dẫn đến khoản nợ theo các khế ước trên bị chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 14/7/2018 Công ty D còn nợ Ngân hàng MB tổng số tiền là 407.316.591.766 đồng, trong đó nợ gốc là 133.783.843.161 đồng, nợ lãi là 313.532.748.605 đồng. Nay Ngân hàng MB khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty D trả cho Ngân hàng MB số tiền tạm tính đến ngày Tòa án xét xử 22/8/2020 là:

Nợ gốc: 133.783.843.161 đồng;

Nợ lãi là: 401.821.353.721 đồng, trong đó:

Nợ lãi trong hạn: 4.979.395.772 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 396.841.957.949 đồng.

Tổng cộng: 535.605.196.882 đồng (*Năm trăm ba mươi lăm tỷ, sáu trăm linh năm triệu, một trăm chín sáu nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng*).

Đồng thời đề nghị Công ty D phải thanh toán khoản lãi suất phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày 23/8/2020 cho đến ngày Công ty D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp Công ty D không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng MB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo là Quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 18.11.066.899998.DB ngày 21/03/2011; Văn bản sửa đổi hợp đồng số 90.11.066.899998 ngày 14/11/2011 và Quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 78.11.066.899998.DB ngày 30/9/2011 đối với Công ty TNHH thương mại và xây dựng N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2020, đại diện theo pháp luật của Công ty D- ông Đoàn Hồng D trình bày:

Công ty D xác nhận ngày 21/3/2011 Công ty D và Ngân hàng MB có ký 01 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 29.11.066.899998.TD. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng MB đã giải ngân cho Công ty D vay số tiền 246.000.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi sáu tỷ đồng*) theo 06 Khế ước nhận nợ đã ký. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là 02 quyền đòi nợ đối với Công ty N và một số các bất động sản khác. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng MB và Công ty D đã thỏa thuận xử lý các tài sản đảm bảo là một số các bất động sản để thu hồi nợ, Ngân hàng đã giải chấp các bất động sản. Tuy nhiên, do khấu trừ giá trị các bất động sản quá thấp dẫn đến dư nợ của Hợp đồng vẫn còn như yêu cầu khởi kiện hiện nay của Ngân hàng MB. Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu mà Tòa án thông báo, Công ty D được biết tạm tính đến ngày 14/7/2018 Công ty D còn nợ Ngân hàng MB tổng số tiền là 407.316.591.766 đồng, trong đó nợ gốc là 133.783.843.161 đồng, nợ lãi là 313.532.748.605 đồng. Đây là số liệu do Ngân hàng MB cung cấp, phía Công ty D đã không còn hoạt động, bản thân ông là đại diện theo pháp luật của công ty nhưng bị tạm giam đã lâu nên không nhớ và không còn bất cứ một tài liệu chứng cứ nào để đối chiếu và chứng minh nên ông không có cơ sở để xác nhận số dư nợ trên vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng MB. Do hiện nay Công ty D không còn hoạt động và không còn khả năng tài chính để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Đối với việc xử lý tài sản thế chấp là 02 quyền đòi nợ của Công ty D đối với Công ty N theo các hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên. Do hiện nay Công ty N cũng không còn hoạt động và không còn khả năng tài chính, đại diện theo pháp luật của Công ty N là bà Nguyễn

Thị Thanh S và các thành viên của công ty hiện đang làm gì ở đâu ông không biết, các Hợp mua bán giữa Công ty D với Công ty N cũng đã tất toán nên không còn tài sản để MB yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 02 quyền đòi nợ với Công ty N. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại và xây dựng N có trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Cụm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề Ngọc Động, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, N. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, hiện Công ty N không còn hoạt động tại địa chỉ trên, Công ty N chuyển trụ sở đi đâu không rõ. Bà Nguyễn Thị Thanh S là đại diện theo pháp luật của công ty cũng không còn sinh sống tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú Số IV, phường V, quận B, Hà Nội. Hiện địa chỉ Số IV, phường V, quận B, Hà Nội đã bị giải tỏa cho dự án mở đường Minh Khai. Hiện bà S đi đâu chính quyền địa phương không biết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với Công ty N tại trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tại nơi cư trú cuối cùng của đại diện theo pháp luật của công ty là bà Nguyễn Thị Thanh S nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai và thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 31/7/2020 theo đề nghị của nguyên đơn, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập bổ sung các tài liệu chứng cứ liên quan đến Công ty TNHH thương mại và xây dựng N.

Quá trình tạm ngừng phiên tòa, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh N đã cung cấp Công văn số 910/SKH-ĐKKD ngày 14/8/2020 và các thông tin liên quan đến Công ty TNHH thương mại và xây dựng N.

Tại phiên tòa ngày 22/8/2020:

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các lời khai đã khai tại tòa. Đề nghị Tòa án buộc Công ty D thanh toán trả Ngân hàng MB số dư nợ của Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày 22/8/2020 với số tiền là:

Nợ gốc: 133.783.843.161 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 4.979.395.772 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 396.841.957.949 đồng.

Tổng cộng: 535.605.196.882 đồng (*Năm trăm ba mươi lăm tỷ, sáu trăm linh năm triệu, một trăm chín sáu nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng*).

Đồng thời đề nghị Công ty D phải thanh toán khoản lãi suất phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày 23/8/2020 cho đến ngày Công ty D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp Công ty D không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng MB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo là Quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 18.11.066.899998.ĐB ngày 21/03/2011; Văn bản sửa đổi hợp đồng số 90.11.066.899998 ngày 14/11/2011 và Quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 78.11.066.899998.ĐB ngày 30/9/2011 đối với Công ty TNHH thương mại và xây dựng N.

Bị đơn là Công ty D vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Đoàn Hồng D đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- Công ty TNHH thương mại và xây dựng N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án thông báo niêm yết triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số dư nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký tính đến ngày Tòa án xét xử, đồng thời phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là 02 quyền đòi nợ theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn là Hợp đồng cho vay giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh nhằm mục đích lợi nhuận. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cung cấp thể hiện Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D có trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Số IV, phường V, quận B, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Về việc xét xử trong trường hợp bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa: Do đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Đoàn Hồng D đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra- Bộ Công an bắt tạm giam để điều tra về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Ngân hàng BIDV- Chi

nhánh Hà Thành. Hiện ông D đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 - Bộ Công an, vụ án đang do Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai đối với ông Đoàn Hồng D. Ngày 04/6/2020 ông Đoàn Hồng D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH thương mại và xây dựng N: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất ngày 05/01/2012 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh N cung cấp có trụ sở tại Cụm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề Ngọc Động, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh N. Qua xác minh Công ty TNHH thương mại và xây dựng N đã thay đổi địa chỉ trụ sở, không còn hoạt động tại địa chỉ trên, hiện công ty chuyển trụ sở đi đâu không ai biết. Đại diện theo pháp luật của công ty là bà Nguyễn Thị Thanh S thay đổi địa chỉ nơi cư trú không còn cư trú tại số IV, phường V, quận B, Hà Nội. Hiện bà S đi đâu, từ thời gian nào chính quyền địa phương không biết. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hết thời hạn niêm yết theo quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 29.11.066.899998.TD ngày 21/3/2011:

Ngày 21/3/2011, Ngân hàng MB và Công ty D đã ký 01 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 29.11.066.899998.TD. Theo đó, MB đồng ý cấp các khoản tín dụng/L/C/Bảo lãnh với tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là 300.000.000.000 đồng (*Ba trăm tỷ đồng đồng*) trong đó giá trị hạn mức bảo lãnh thanh toán tối đa là 200.000.000.000 đồng (*Hai trăm tỷ đồng*) để tài trợ vốn lưu động, mở L/C nhập khẩu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thép, phối thép và các loại than năm 2011. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ đối với từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Thực hiện hợp đồng, MB đã giải ngân cho Công ty D vay tổng số tiền là 246.000.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi sáu tỷ đồng*) theo 06 Khế ước nhận nợ, thời hạn vay vốn là 03 tháng tính từ ngày giải ngân của từng khế ước. Cụ thể:

- Khế ước nhận nợ số LD 1121300323 ngày 01/8/2011 giải ngân 30.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21,5%/năm, ngày đáo hạn là 03/01/2012;

- Khế ước nhận nợ số LD 1121500167 ngày 03/8/2011 giải ngân 30.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21,5%/năm, ngày đáo hạn 03/11/2011;

- Khế ước nhận nợ số LD 1123400261 ngày 22/8/2011 giải ngân 14.850.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21,5%/năm, ngày đáo hạn 22/11/2011;

- Khế ước nhận nợ số LD 1123500218 ngày 23/8/2011 giải ngân 14.150.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21,5%/năm, ngày đáo hạn 23/11/2011;

- Khế ước nhận nợ số LD 1124900114 ngày 06/9/2011 giải ngân 107.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21%/năm, ngày đáo hạn 06/12/2011;

- Khế ước nhận nợ số LD 1127600411 ngày 03/10/2011 giải ngân 50.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 18,3%/năm, ngày đáo hạn 03/01/2012.

Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức và các khế ước nhận nợ được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng và các khế ước nhận nợ, do Công ty D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận và cũng không được Ngân hàng MB cơ cấu lại khoản nợ dẫn đến nợ quá hạn. Sau nhiều lần có văn bản thông báo và đốc thúc việc trả nợ nhưng không nhận được phản hồi từ bên vay nên Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội khởi kiện yêu cầu bên vay phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán và số tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký là có cơ sở. Việc đại diện theo pháp luật của bị đơn có quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có cơ sở để xác nhận số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh số dư nợ còn lại tính đến thời điểm hiện nay. Căn cứ Điều 281, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Ngân hàng MB đã giải ngân cho Công ty D vay tổng số tiền là 246.000.000.000 đồng theo 06 Khế ước nhận nợ, thời hạn vay vốn là 03 tháng tính từ ngày giải ngân của từng khế ước. Cụ thể:

- Theo Khế ước nhận nợ số LD 1121300323 ngày 01/8/2011 Ngân hàng MB đã giải ngân cho Công ty D số tiền là 30.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21,5%/năm, ngày đáo hạn 03/01/2012. Ngày 01/11/2011 khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn. Tổng số tiền gốc đã trả là 29.999.656.839 đồng; Tổng số tiền lãi trong hạn đã trả: 1.433.333.334 đồng. Nợ gốc còn lại chưa trả là 343.161 đồng, Nợ lãi còn lại chưa trả là 14.101.765.230 đồng;

- Theo Khế ước nhận nợ số LD1121500167 ngày 03/8/2011 giải ngân 30.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21,5%/năm, ngày đáo hạn 03/11/2011. Ngày 03/11/2011 khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn. Tổng số tiền nợ gốc đã trả là 12.216.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi trong hạn đã trả: 1.397.500.000 đồng. Nợ gốc còn là 17.783.500.000 đồng, nợ lãi còn là 62.034.535.427 đồng;

- Theo Khế ước nhận nợ số LD 1123400261 ngày 22/8/2011 giải ngân 14.850.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21,5%/năm, ngày đáo hạn là 22/11/2011 nhưng không trả được nên khoản nợ bị chuyển sang quá hạn.

Công ty D không trả được đồng nợ gốc nào. Nợ gốc còn lại là 14.850.000.000 đồng, nợ lãi còn lại là 42.809.456.250 đồng;

- Theo Khế ước nhận nợ số LD 1123500218 ngày 23/8/2011 giải ngân 14.150.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21,5%/năm, ngày đáo hạn 23/11/2011 trả nợ gốc nhưng Công ty D không trả nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 23/11/2011. Công ty D không trả được đồng nợ gốc và lãi nào nên dư nợ gốc hiện còn lại là 14.150.000.000 đồng; Nợ lãi còn lại là 41.277.417.014 đồng;

- Theo Khế ước nhận nợ số LD 1124900114 ngày 06/9/2011 giải ngân 107.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 21%/năm, ngày đáo hạn 06/12/2011. Ngày 06/12/2011 là ngày đến hạn trả nợ gốc nhưng Công ty D không trả nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ thời điểm ngày 06/12/2011. Tổng số tiền gốc đã trả: 50.000.000.000 đồng; Tổng số tiền lãi trong hạn đã trả: 2.250.653.534 đồng. Nợ gốc còn lại là 57.000.000.000 đồng. Nợ lãi còn lại là 160.264.846.467 đồng;

- Theo Khế ước nhận nợ số LD 1127600411 ngày 03/10/2011 giải ngân 50.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cố định cho khoản vay là 18,3%/năm, ngày đáo hạn 03/01/2012 nhưng không trả được nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn. Tổng số tiền gốc đã trả: 20.000.000.000 đồng; Tổng số tiền lãi trong hạn đã trả: 457.500.000 đồng. Nợ gốc còn lại là 30.000.000.000 đồng. Nợ lãi còn lại là 81.333.333.333 đồng;

Tính đến thời điểm Tòa án xét xử, tổng dư nợ gốc còn lại của 06 khế ước trên là 133.783.843.161 đồng. Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu đòi nợ gốc của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội đối với Công ty D là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc Công ty D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng và 06 Khế ước nhận nợ đã ký là 133.783.843.161 đồng.

2.3. Xét thỏa thuận lãi và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng hạn mức và các khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên:

Theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 thì Hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/7/2019 nên Công ty D phải chịu lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật về tín dụng. Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định “*Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*”. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh...*”. Xét lãi suất cho vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức giữa Ngân hàng MB và Công ty D được thể hiện trong từng khế ước nhận nợ và được áp dụng cố định trong suốt quá trình thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về lãi quá hạn, theo hợp đồng các bên thỏa thuận lãi quá hạn bằng 150% lãi suất đang

áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn là phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001. Tính đến thời điểm Tòa án xét xử, tổng nợ lãi chưa trả theo 06 khế ước nhận nợ là 401.821.353.721 đồng bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn. Do đó cần chấp nhận số tiền lãi trong hạn và quá hạn như phía nguyên đơn yêu cầu, buộc Công ty D ngoài việc thanh toán số tiền nợ gốc là 133.783.843.161 đồng, còn phải thanh toán số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử là 401.821.353.721 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là 4.979.395.772 đồng; nợ lãi quá hạn là 396.841.957.949 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm Công ty D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng và các khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.4. Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp Công ty D không trả hoặc trả không đầy đủ khoản dư nợ theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên để thu hồi nợ, cụ thể là:

- Quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 18.11.066.899998.ĐB ngày 21/03/2011 và Văn bản sửa đổi hợp đồng số 90.11.066.899998 ngày 14/11/2011: Theo Hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp này thì tài sản đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 21/3/2011 là Quyền đòi nợ của Công ty D đối với Công ty N theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 10/11/2011 giữa Công ty D và Công ty N có giá trị là 607.550.000.000 đồng. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội ngày 29/3/2011;

- Tài sản thứ hai là Quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 76.11.066.899998.ĐB ngày 30/9/2011: Theo Hợp đồng thế chấp này thì tài sản đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 21/3/2011 là Quyền đòi nợ của Công ty D đối với Công ty N theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/GT-DLTD ngày 01/01/2011, Hợp đồng mua bán số 07/GT-TMTD ngày 01/01/2011 và Hợp đồng mua bán số 02/2011/HĐMB- TD giữa Công ty D và Công ty N có tổng giá trị cam kết thanh toán là 65.620.480.302 đồng, được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội ngày 04/10/2011.

Xét thấy giữa Công ty D, Công ty N và Ngân hàng MB đã có bản cam kết thanh toán ba bên về việc thế chấp quyền đòi nợ đối với các Hợp đồng mua bán hàng hóa và Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty D và Công ty N. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/10/2011 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của bị đơn xác nhận có việc thế chấp này và trình bày do hiện nay các hợp đồng mua bán hàng hóa và các biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty D và Công ty N đã được tắt toán (nhưng bị đơn không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh), Công ty N không còn hoạt động và không còn khả năng tài chính nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty N mặc dù đã được Tòa án thông báo niêm yết triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến quan điểm và giao nộp các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo Công văn số 910/SKH-

ĐKKD ngày 14/8/2020 và các thông tin do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh N cung cấp thì tình trạng hoạt động trên công thông tin doanh nghiệp quốc gia của Công ty TNHH thương mại và xây dựng N bị khóa. Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở chấp nhận quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn đối với 02 quyền đòi nợ theo các Hợp đồng thế chấp ngày 30/9/2011, Hợp đồng thế chấp ngày 21/03/2011 và Văn bản sửa đổi hợp đồng số 90.11.066.899998 ngày 14/11/2011.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên phần nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 281, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D.

Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số dư nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 29.11.066.899998.TD2 ngày 21/3/2011 và 06 khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến ngày 22/8/2020 số tiền là:

- Nợ gốc: 133.783.843.161 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 4.979.395.772 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 396.841.957.949 đồng.

Tổng cộng: 535.605.196.882 đồng (*Năm trăm ba mươi lăm tỷ sáu trăm linh năm triệu một trăm chín sáu nghìn tám trăm tám hai đồng*).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải

thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên, Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo gồm:

- Quyền đòi nợ của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D đối với Công ty TNHH thương mại và xây dựng N có giá trị là 607.550.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 18.11.066.899998.ĐB ngày 21/03/2011 và Văn bản sửa đổi hợp đồng số 90.11.066.899998 ngày 14/11/2011;

- Quyền đòi nợ của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D đối với Công ty TNHH thương mại và xây dựng N có giá trị là 65.620.480.302 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 76.11.066.899998.ĐB ngày 30/9/2011.

4. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D phải chịu 531.605.196 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu, sáu trăm linh năm nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng theo phiếu thu số AC/2015/0004530 ngày 13/12/2018 là 277.658.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, không trăm đồng*).

5. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn - Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ du lịch D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH Thương mại và xây dựng N có quyền kháng cáo bản án đối với những phần liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKS nhân dân quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THA dân sự quận Hai Bà Trưng;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Kim Oanh